

## BỘ TÀI CHÍNH

**QUYẾT ĐỊNH số 86/2001/QĐ-BTC**  
**ngày 12/9/2001 về việc ban hành**  
**Quy chế Quản lý, sử dụng Quỹ**  
**Ngày công lao động công ích.**

## BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Căn cứ Pháp lệnh Nghĩa vụ lao động công ích ngày 03 tháng 9 năm 1999;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Nghĩa vụ lao động công ích;*

*Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tài chính,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý, sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2001.

**Điều 3.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

*Thứ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

**QUY CHẾ Quản lý và sử dụng Quỹ**  
**Ngày công lao động công ích**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 86/2001/QĐ-BTC ngày 12/9/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*

## Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Quỹ Ngày công lao động công ích.

1. Quỹ Ngày công lao động công ích là nguồn lực nghĩa vụ lao động công ích do công dân Việt Nam đóng góp theo quy định của pháp luật tại nơi thường xuyên sinh sống, có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú liên tục từ 6 tháng trở lên.

2. Quỹ Ngày công lao động công ích được thể hiện dưới hình thức ngày công lao động công ích trực tiếp (dưới đây gọi là ngày công lao động công ích trực tiếp) hoặc đóng góp bằng tiền (dưới đây gọi là ngày công lao động công ích bằng tiền) của người có nghĩa vụ lao động công ích.

3. Quỹ Ngày công lao động công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) quản lý và sử dụng để xây dựng, tu bổ các công trình công ích vì lợi ích chung của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Nguyên tắc quản lý Quỹ Ngày công lao động công ích.

1. Nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích là một bộ phận của ngân sách nhà nước, được phân bổ cho chính quyền các cấp quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định tại Điều 17 Pháp lệnh Nghĩa vụ lao động công ích.

2. Quỹ Ngày công lao động công ích được phân

ảnh vào ngân sách địa phương các cấp theo nguyên tắc sau:

a) Quỹ Ngày công lao động công ích trực tiếp của năm nào chỉ được huy động để sử dụng trong năm đó. Giá trị ngày công lao động công ích trực tiếp tính trong giá trị công trình được xác định theo thời giá ngày công lao động công ích ở địa phương và phản ảnh vào ngân sách địa phương các cấp trên cơ sở khối lượng công việc đã hoàn thành trong năm theo hình thức ghi thu, ghi chi; hạch toán thu vào Chương (B, C, D) loại 10, khoản 05, mục 053, tiểu mục 01; hạch toán chi vào chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước.

b) Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền là toàn bộ số tiền thu được từ thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hàng năm bằng hình thức đóng tiền. Số tiền thu được phải nộp vào Kho bạc nhà nước để thực hiện phân bổ cho ngân sách các cấp theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này và hạch toán như sau: Khi thu hạch toán vào Chương (B, C, D) loại 10, khoản 05, mục 053, tiểu mục 01; khi chi hạch toán theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước.

Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền trong năm chưa sử dụng hết được chuyển sang dự toán năm sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc lập sổ theo dõi sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích; hạch toán kế toán, quyết toán đối với các khoản chi tiêu của Quỹ Ngày công lao động công ích được thực hiện theo quy định của chế độ quản lý tài chính hiện hành.

**Điều 3.** Nguyên tắc sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích.

1. Quỹ Ngày công lao động công ích được sử dụng cho các mục đích quy định tại Điều 9 Pháp lệnh Nghĩa vụ lao động công ích và theo quy định chi tiết tại Điều 3 Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ. Quỹ

Ngày công lao động công ích thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quỹ Ngày công lao động công ích thuộc cấp nào do cấp ấy quản lý, sử dụng theo quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan khác của Nhà nước. Trường hợp đặc biệt cần sự hỗ trợ từ Quỹ Ngày công lao động công ích thuộc cấp trên thì cấp đề nghị hỗ trợ phải lập kế hoạch. Quỹ Ngày công lao động công ích cấp trên chỉ thực hiện hỗ trợ cho việc tu bổ, xây dựng công trình công ích của cấp dưới khi có đầy đủ hồ sơ, phương án hỗ trợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

## Chương II

### NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ NGÀY CÔNG LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH

#### Mục I. LẬP KẾ HOẠCH VÀ PHÂN BỐ NGUỒN QUỸ

##### Điều 4. Lập kế hoạch nguồn Quỹ.

1. Căn cứ Sổ theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập kế hoạch nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích trong năm.

2. Tổng số ngày công nghĩa vụ lao động công ích tính theo danh sách đối tượng thực hiện nghĩa vụ lao động công ích phát sinh trong năm là tổng nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích trong năm.

3. Kế hoạch nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích là cơ sở để Ủy ban nhân dân các cấp lập kế hoạch sử dụng lao động công ích cho các mục đích công ích hàng năm.

##### Điều 5. Phân bổ và tiếp nhận nguồn Quỹ.

1. Quỹ Ngày công lao động công ích được phân bổ cho chính quyền các cấp theo tỷ lệ và thẩm

quyền quy định tại Điều 17 Pháp lệnh Nghĩa vụ lao động công ích và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Nghĩa vụ lao động công ích.

2. Ủy ban nhân dân các cấp mở tài khoản Quỹ Ngày công lao động công ích tại Kho bạc nhà nước để tiếp nhận quản lý và sử dụng nguồn Quỹ được phân bổ quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 6. Quản lý nguồn Quỹ.**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trực tiếp quản lý nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích trên địa bàn.

2. Trường hợp có biến động nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích do đối tượng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ lao động công ích thông báo, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm điều chỉnh (tăng hoặc giảm) nguồn Quỹ để lập kế hoạch sử dụng cho phù hợp.

3. Khi nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích có thay đổi, Ủy ban nhân dân cấp xã phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp trong toàn tỉnh, làm cơ sở cho việc phân bổ, kiểm tra, lập kế hoạch sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích của địa phương.

### **Mục II. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ NGÀY CÔNG LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH TRỰC TIẾP**

**Điều 7. Căn cứ để sử dụng ngày công lao động công ích trực tiếp.**

1. Căn cứ để huy động và sử dụng ngày công lao động công ích trực tiếp là các công việc sử dụng lao động công ích hàng năm được đưa vào kế hoạch sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích của từng cấp.

2. Số lượng ngày công lao động công ích trực tiếp sử dụng cho công trình công ích của cấp nào

phải đảm bảo trong phạm vi Quỹ Ngày công lao động công ích dành cho chính quyền cấp ấy.

3. Trường hợp cấp xã cần bổ sung Quỹ Ngày công lao động công ích từ Quỹ Ngày công lao động công ích của cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, hỗ trợ trong phạm vi kế hoạch sử dụng của cấp mình.

4. Trường hợp cấp huyện cần bổ sung từ Quỹ Ngày công lao động công ích cấp tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, hỗ trợ trong phạm vi kế hoạch sử dụng của cấp mình.

**Điều 8. Thực hiện huy động ngày công lao động công ích.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định huy động lao động nghĩa vụ công ích đối với công dân cư trú trên địa bàn căn cứ vào kế hoạch sử dụng lao động công ích hàng năm được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định hoặc căn cứ vào yêu cầu sử dụng ngày công lao động công ích của Ủy ban nhân dân cấp trên.

Việc huy động lao động nghĩa vụ công ích hàng năm phải hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của việc huy động đó đến sản xuất, công tác, học tập của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của công dân.

2. Quyết định huy động ngày công lao động công ích phải được thông báo trực tiếp cho người được huy động hoặc thông qua gia đình họ chậm nhất là 7 ngày trước ngày thực hiện lao động công ích.

3. Trường hợp người khác đi làm thay hoặc đóng tiền, người có nghĩa vụ lao động công ích phải báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện nghĩa vụ ít nhất 3 ngày trước ngày thực hiện nghĩa vụ lao động công ích.

4. Trong trường hợp người có nghĩa vụ lao động công ích thực hiện nghĩa vụ bằng hình thức đóng bằng tiền, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm huy động bổ sung cho đủ số ngày công lao

động cần huy động cho công trình hoặc lập kế hoạch sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền để thuê mướn lao động thay thế.

**Điều 9.** Trách nhiệm quản lý và sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích bằng ngày công lao động công ích trực tiếp.

1. Cơ quan, đơn vị nào sử dụng ngày công lao động công ích trực tiếp, cơ quan, đơn vị ấy có trách nhiệm đảm bảo điều kiện lao động theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm theo dõi số ngày công lao động công ích trực tiếp đã sử dụng của từng cấp để giảm trừ Quỹ Ngày công lao động công ích trong năm.

3. Kinh phí phục vụ cho việc tổ chức huy động và quản lý, sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích bằng ngày công lao động trực tiếp hằng năm bao gồm chi phí quản lý, tuyên truyền, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các chi phí có liên quan trực tiếp khác do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **Mục III. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ NGÀY CÔNG LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH BẰNG TIỀN**

**Điều 10.** Thu Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền.

1. Việc đóng góp bằng tiền vào Quỹ Ngày công lao động công ích được thực hiện trong trường hợp người có nghĩa vụ lao động công ích không trực tiếp đi lao động, không có người làm thay.

2. Mức tiền đóng thay cho một ngày công lao động công ích do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với thực tế của từng khu vực tại địa phương. Mức cao nhất không được vượt quá 120% tiền lương một ngày tính theo mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định.

3. Khi nhận tiền, Ủy ban nhân dân cấp xã viết biên lai thu tiền cho người nộp tiền theo Mẫu

C27a-X quy định tại Quyết định số 827/1998/QĐ-BTC ngày 04/7/1998 của Bộ Tài chính và lập bảng kê số tiền đã thu được nộp vào Kho bạc nhà nước. Kho bạc nhà nước thực hiện phân bổ Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền cho các cấp ngân sách theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

**Điều 11.** Nội dung sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền.

Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền được sử dụng trong các trường hợp sau:

1. Trả tiền thuê nhân công cho các công trình thuộc đối tượng sử dụng lao động công ích trong trường hợp không huy động đủ lao động công ích trực tiếp nếu được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Chi trả chế độ cho người bị tai nạn lao động trong khi thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hằng năm theo quy định tại điểm a, b, d khoản 3 Điều 12 và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ.

3. Chi trả chế độ cho người bị ốm đau trong khi trực tiếp thực hiện nghĩa vụ lao động công ích mà chưa tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 29 và khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh Nghĩa vụ lao động công ích.

4. Việc sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thực hiện theo nguyên tắc cấp nào sử dụng lao động công ích thì sử dụng Quỹ của cấp ấy chi trả. Trường hợp cần thiết có sự hỗ trợ của Quỹ cấp trên thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền thực hiện thanh toán các khoản trợ cấp, hỗ trợ cho đối tượng được hưởng khi có đủ điều kiện chi trả theo quy định hiện hành.

5. Căn cứ vào quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc ủy nhiệm chi của cấp quản lý, sử dụng Quỹ, Kho bạc nhà nước giải quyết việc xuất tiền từ tài khoản Quỹ Ngày công lao động

công ích bằng tiền để chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng; làm thủ tục chuyển tiền hỗ trợ cho các cấp có công trình công ích được hỗ trợ bằng nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích cấp trên.

**Điều 12.** Quản lý, sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp nào quản lý, sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền của cấp ấy.

2. Việc quản lý và sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền phải theo kế hoạch, đúng mục đích, bảo đảm công bằng, tiết kiệm và đạt hiệu quả thiết thực. Mọi khoản chi tiêu phải đúng quy định và có chứng từ hợp lệ.

#### **Mục IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ NGÀY CÔNG LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH**

**Điều 13.** Ủy ban nhân dân cấp xã.

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp trực tiếp theo dõi, quản lý người có nghĩa vụ lao động công ích trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích hàng năm gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện quản lý, sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích được phân bổ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, giám sát cơ quan, đơn vị sử dụng lao động công ích đối với công trình công ích của cấp mình đảm bảo sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm và bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

**Điều 14.** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận, theo dõi và sử dụng Quỹ Ngày công lao

động công ích được phân bổ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích trên địa bàn huyện gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp; thực hiện việc bổ sung nguồn Quỹ Ngày công lao động công ích của cấp mình cho cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra, giám sát cơ quan, đơn vị sử dụng lao động công ích đối với công trình công ích của cấp mình đảm bảo sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm và bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

**Điều 15.** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, theo dõi và sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích được phân bổ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc bổ sung nguồn Quỹ lao động công ích cho cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích trong toàn tỉnh; kiểm tra, giám sát cơ quan, đơn vị sử dụng lao động công ích đối với công trình công ích của cấp mình, đảm bảo sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm và bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

**Điều 16.** Trách nhiệm của cơ quan tài chính các cấp.

1. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý Quỹ Ngày công lao động công ích theo quy định tại Quy chế này.

2. Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích.

3. Khi công trình công ích hoàn thành thì thực hiện quản lý tài sản hình thành từ nguồn lao

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-38456684 \* 969161

động công ích theo chế độ quản lý tài chính hiện hành.

### Chương III

## BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

**Điều 17.** Năm tài chính của Quỹ Ngày công lao động công ích.

1. Năm tài chính của Quỹ Ngày công lao động công ích bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 năm 12 hàng năm.

2. Kết thúc năm tài chính, trong phạm vi 45 ngày, cơ quan quản lý và sử dụng Quỹ Ngày công lao động công ích phải lập báo cáo quyết toán Quỹ với cơ quan chủ quản cấp trên. Báo cáo phải phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình Quỹ Ngày công lao động công ích ở thời điểm lập báo cáo, tình hình thu chi của Quỹ. Riêng đối với Quỹ Ngày công lao động công ích bằng tiền phải kèm theo xác nhận số dư tài khoản của Kho bạc nhà nước.

**Điều 18.** Công khai tài chính của Quỹ Ngày công lao động công ích.

Quỹ Ngày công lao động công ích thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Quyết định số 225/1998/QĐ-TTg ngày 20/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước và các Quỹ có nguồn thu từ khoản đóng góp của nhân dân; và theo hướng dẫn tại Thông tư số 29/1999/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với các Quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

*Thứ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

**THÔNG TƯ số 76/2001/TT-BTC ngày 25/9/2001 hướng dẫn một số điểm của Quy chế Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ.**

Thi hành Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

## I. QUY ĐỊNH CHUNG

**1. Trong thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:**

a) *Đơn vị* là các đối tượng quy định tại Điều 3 của Quy chế Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

b) *Bảo lãnh dự thầu xuất khẩu* là cam kết đảm bảo nghĩa vụ tham gia dự thầu của Nhà xuất khẩu (Bên được bảo lãnh) cho Nhà mời thầu (Bên nhận bảo lãnh) bằng văn bản do Quỹ Hỗ trợ phát triển phát hành.

c) *Bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu* là cam kết bằng văn bản do Quỹ Hỗ trợ phát triển phát hành cho Nhà nhập khẩu (Bên nhận bảo lãnh) cam kết bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Nhà xuất khẩu (Bên được bảo lãnh) với Nhà nhập khẩu.

d) *Bảo lãnh đối ứng* là một hình thức bảo lãnh do Quỹ Hỗ trợ phát triển phát hành cho một tổ chức tín dụng về việc đề nghị tổ chức tín dụng thực hiện bảo lãnh cho nghĩa vụ của các đơn vị thuộc đối tượng bảo lãnh dự thầu hoặc bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu của Quỹ Hỗ trợ phát triển. Trường hợp phát sinh các nghĩa vụ